TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 385/2020/QĐST-HNGĐ	*Phú Nhuận, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 81, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phám Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 376/2020/TLST-VHNGĐ ngày 12/6/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 63/6 đường A, Phường B, quận PN, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông Quách Hoài L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 63/6 đường A, Phường B, quận PN, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị T và ông Quách Hoài L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo theo Giấy chứng nhận kết hôn số 297, quyển số 01/09 ngày 17/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

[2] Theo đơn thuận tình ly hôn ngày 03/6/2020 và bản tự khai ngày 02/7/2020, bà T và ông L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; bà Tâm là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Quách Anh K, sinh ngày 24/8/2013, ông L cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng; bà T và ông L tự khai không có tài sản chung và không có nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà T và ông L thật sự tự nguyện ly hôn, giữa bà T và ông L không có tài sản chung và không có nợ

chung; việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 02/7/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị T và ông Quách Hoài L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Quách Anh K, sinh ngày 24/8/2013.

Sau khi ly hôn, bà Võ Thị T và ông Quách Hoài L thỏa thuận giao con chung Quách Anh K cho bà Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trẻ K đủ 18 tuổi; ông Quách Hoài L cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng một tháng) cho đến khi trẻ K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Võ Thị T cho đến khi thi hành án xong, ông Quách Hoài L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị T và ông Quách Hoài L tự khai không có tài sản chung và không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Võ Thị T và ông Quách Hoài L phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0042858 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị T và ông Quách Hoài L đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận, TPHCM;
- UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh tỉnh Cà Mau;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Văn Thị Ngọc Mỹ